TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2025
V/v Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Hiến.
2. Ông Trần Văn Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Phước T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: ấp ML, xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Anh Bùi Hoàng V, sinh năm 1972.
Địa chỉ: ấp 2, xã MH, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Đồng Thị Phước T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2020 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh V quen biết nhau khi cả hai đã từng tan vỡ trong hôn nhân và cả hai quyết định lấy nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc hôn nhân. Nhưng chị T không ngờ khi lấy nhau thì anh V thay đổi rất nhiều, anh V không lo làm ăn và không hề quan tâm đến chị T và con. Anh V rất vô tâm với chị và còn nhiều lần lừa gạt chị T nhiều chuyện. Vì thương con mà chị T cố gắng chịu đựng nhiều năm nay mong anh V suy nghĩ lại nhưng càng ngày chị T thấy anh V chứng nào tật nấy không thay đổi và hiện nay anh V không còn thương chị T và con nữa. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn níu kéo được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Bùi Hoàng V. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án không công nhận chị T và anh V là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đồng Hữu Lộc, sinh ngày 16/11/2021. Hiện nay con chung đang sinh sống với chị T. Chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng. Trong thời gian chung sống anh V có yêu cầu chị T đưa cho anh V số tiền 100.000.000 đồng trên để cho anh V làm ăn, hiện nay số tiền trên anh V đang giữ. Theo đơn khởi kiện thì chị T yêu cầu chia đôi số tiền trên, yêu cầu anh V chia cho chị T 50.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được thì chị T sẽ yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh V đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu không công nhận chị T và anh V là vợ chồng, yêu cầu nuôi con với anh V. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*".

Anh Bùi Hoàng V là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 2, xã MH, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Bùi Hoàng V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh V chung sống với nhau vào năm 2020 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy chị T, anh V có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu Tòa án không công nhận chị T và anh V là vợ chồng.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Bùi Hoàng V tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh V vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy giữa chị T và anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị T yêu cầu không công nhận chị T và anh V là vợ chồng là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh V là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đồng Hữu Lộc, sinh ngày 16/11/2021. Hiện nay con chung đang sinh sống với chị T. Chị T yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị T hay cho anh V nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ".

Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết*

yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết."

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng con chung đang sinh sống với chị T nên chị T yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Xét thấy từ khi chị T, anh V xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, lo cho con chung đầy đủ. Do đó để con chung tên Đồng Hữu Lộc, sinh ngày 16/11/2021 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 04/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị T cho rằng vợ chồng có tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng, hiện nay anh V đang giữ. Theo đơn khởi kiện thì chị T yêu cầu chia đôi số tiền trên, yêu cầu anh V chia cho chị T 50.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh V vắng mặt và không có yêu cầu gì đối với tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

- Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh V không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Chị Đồng Thị Phước T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm , anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đồng Thị Phước T:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Đồng Thị Phước T và anh Bùi Hoàng V là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Đồng Thị Phước T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đồng Hữu Lộc, sinh ngày 16/11/2021. Anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu. Anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 04/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài chung của chị T do chị T rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh V không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đồng Thị Phước T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011335 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Đồng Thị Phước T được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 1.250.000 đồng theo biên lai số 0011336 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Anh Bùi Hoàng V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long và UBND xã MH, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc